

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÓC SƠN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 15/10/2021.

Về việc: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đỗ Duy Khoa.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Duy Tuyên.**

2. Ông **Dương Văn Xuyên.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST ngày 28/9/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Trần Đăng G**, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội x, xã T, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Số x, Ngõ xxx, Đ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Chị **Trịnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số xx, Đ, phường Q, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Khu tập thể T, thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

*Vắng mặt:* Anh G (Có đơn xin vắng mặt), chị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Đăng G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau, anh chị thuê nhà ở riêng tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống

chung vợ chồng và thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2019, chị Hà đã về nhà mẹ đẻ tại Khu tập thể T, thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và anh chị đã ly thân đó đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh xin ly hôn chị Hà để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh xác định, anh chị không có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn:** Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị Ngọc H đã không cung cấp tài liệu, chứng cứ và quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đăng G cho Tòa án.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật nên không phải nhắc nhở gì. Đối với bị đơn đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên cần phải nhắc nhở về ý thức chấp hành pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đăng G với chị Trịnh Thị Ngọc H, vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được.

Về con chung: Xác định anh G và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Về án phí không có giá ngạch, anh G phải chịu cả.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Đăng G có đơn xin ly hôn chị Trịnh Thị Ngọc H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp về ly hôn”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị Ngọc H là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số x, Đ, phường Q, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, ngày 01/10/2020, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án nhưng do chị Trịnh Thị Ngọc H đã về ở và đăng ký tạm trú tại: Tập thể T, thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội từ ngày 31/9/2019. Ngày 19/3/2021, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã có Quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn để giải quyết theo thẩm quyền. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Đăng G vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là chị Trịnh Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H đều không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H nhưng chị H đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị H đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh G và chị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho chị H theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do; đối với anh G đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh G và chị H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

## [2]. Về nội dung:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Đăng G và chị Trịnh Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh G xác định trong cuộc sống chung vợ chồng của anh chị có mâu thuẫn dẫn đến hai bên phải sống ly thân Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và phải ly thân.

Kết quả xác minh, đại diện gia đình anh G và chị H đều thể hiện: Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị có mâu thuẫn và đã không còn ở chung với nhau từ cuối năm 2019 đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh G và chị H đã xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài dẫn đến hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G đối với chị H để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2.2]. **Về con chung:** Anh Trần Đăng G và chị Trịnh Thị Ngọc H không có con chung.

[2.4]. **Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết về vấn đề này.

[3]. **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh Trần Đăng G phải chịu cả để sung ngân sách Nhà nước.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. **Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên tòa:** Cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đăng G.**

Anh Trần Đăng G được ly hôn chị Trịnh Thị Ngọc H.

Quan hệ hôn nhân của anh Trần Đăng G và chị Trịnh Thị Ngọc H chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Anh Trần Đăng G và chị Trịnh Thị Ngọc H không có con chung.

**3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí ly hôn sơ thẩm:** 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần Đăng G phải chịu cả để sung ngân sách Nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/00xxxxx ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Anh Trần Đăng G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai, sơ thẩm. Anh Trần Đăng G và chị Trịnh Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án vắng mặt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- UBND đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Duy Khoa**